

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số 222/2026/HNGĐ -ST
Ngày 21/7/2026
Về việc: T/c Ly hôn và con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Văn Diện
Ông Ngô Văn Cảnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Hữu Thơ -Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 4- Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 21/7/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2026/TLST- HNGĐ ngày 09/4/2026
về việc tranh chấp ly hôn và con chung , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
203/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh ngày 30/4/1996(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T, sinh ngày 04/5/1996(Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang thi hành án tại Trại giam S- Bộ C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị
Nguyễn Thị C trình bày: Chị C và anh Nguyễn Viết T tự nguyện đăng ký kết hôn
tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh năm 2018
sau đó chung sống với nhau. Chị C và anh T chung sống hạnh phúc được một
thời gian đến năm 2023 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ham
chơi không quan tâm đến gia đình. Chị C và anh T đã hòa giải nhiều lần nhưng
không thành nên ly thân từ năm 2023 đến nay. Từ khi ly thân không quan tâm
đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế, mỗi người sống một nơi,
bỏ mặc nhau sống. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/10/2018 hiện đang sinh sống cùng chị C. Ly hôn thì chị C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C đề nghị vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là anh Nguyễn Viết T hiện đang thi hành án tại Trại giam S-Bộ C1, địa chỉ tại xã N, tỉnh Nghệ An. Tại bản tự khai ngày 24/5/2026 anh T trình bày: Chị C và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã U, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh năm 2018 sau đó chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn. Năm 2024 anh T phải thi hành án nên vợ chồng ly thân đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/10/2018. Chị C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh T đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị: Căn cứ Điều 51,56,58,81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28,35,39,147,227, 228,238, 271,273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Viết T

Về con chung: Giao chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/10/2018.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

Án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Việc xét xử vắng mặt chị C nhưng có đơn đề nghị vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 và giữ nguyên ý kiến. Do vậy việc Tòa án xét xử là đúng quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[1.2]. Quan hệ hôn nhân: Chị **C** và anh **T** tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hòa, huyện L, tỉnh Bắc Giang, nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh năm 2018, đủ điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị **C** là có căn cứ, cần xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình .

[2.2]. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị **C** và anh **T** đều trình bày mâu thuẫn do không hợp nhau, anh **T** phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam S-Bộ C1, địa chỉ tại xã N, tỉnh Nghệ An. Do vậy chị **C** và anh **T** ly thân đến nay. Từ khi ly thân không liên lạc, không quan tâm chăm sóc đến nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay chị **C** yêu cầu ly hôn thì anh **T** cũng đồng ý. Do vậy Tòa án nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **C** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị **C** về việc ly hôn anh **T**.

[2.3]. Về con chung: Chị **C** và anh **T** có 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/10/2018. Chị **C** yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh **T** đồng ý. Do vậy cần giao chị **C** trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy D.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Chị **C**, anh **T** không yêu cầu nên không giải quyết.

[3]. Án phí: Chị **C** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51,56, 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 28,35,39,227,228,238 Bộ luật tố tụng dân sự, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Viết T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 02/10/2018. Anh T được quyền thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

3. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị **C** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003022 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị **C** và anh **T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Đương sự*
- *TAND T, BN*
- *VKSNDKV4-BN*
- *Cục THADS T. BN*
- *UBND xã Tiên Lục*
- *Lưu*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên